| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 – TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 48/2025/QĐST-HNGĐ | *Tuyên Quang, ngày 07 tháng 11 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Mùi S, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước công dân số 002189007852 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021.

- Bị đơn: Anh Triệu Phụ K, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước công dân số 002083006198 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an cấp ngày 15/8/2021.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, các khoản 1, 2 Điều 212, khoản 1 Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51 và 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, Điều 9, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2025;

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Mùi S và anh Triệu Phụ K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Mùi S và anh Triệu Phụ K tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các con chung là Triệu Mùi Ch, sinh ngày 19/10/2005 và Triệu Là C, sinh ngày 23/01/2007. Hiện nay, cháu Ch và C đã đủ 18 tuổi, tự lập và

không phụ thuộc vào bố mẹ. Do đó, Tòa án không xem xét việc nuôi con chung của vợ chồng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Triệu Mùi S chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000936 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự; chị Triệu Mùi S được hoàn trả lại số tiền án phí chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 –Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 – Tuyên Quang;
- UBND xã Tiên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang; (cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT, AV.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Đinh Hoàng Trung**